THÊNH PH´ M˙ THO - T˙NH TIJN GIANG

ˇ˝ ÓN QUY HOˇCH PHAN KHU T│ L˚ 1/2000 KHU ˇ Ď TH˛ CĎNG NGHI˚ P - THh ˇ NG Mˇ I - D˛ CH V˛ PHÔA ˇ ĎNG, THÊNH PH´ M˙ THO

THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - 01

ˇ´ I V˛ I CÓC TUYε N GIAO THĎNG CHÔNH

- QU´ C L˛ 50: L˛ GI˛ I 43-46m. ˇOˇN ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG CAO, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 3M, CďN LˇI KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 6m;
- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG CAO, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 0m;

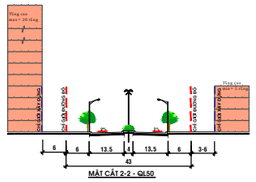

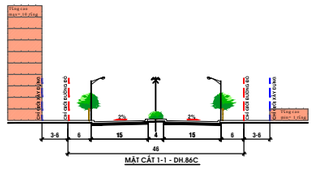

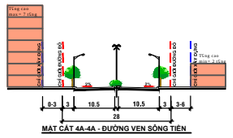

QU´ C L˛ 50: L˛ GI˛ I 43-46m, Lê TR˛ C Xh ˇ NG S´ NG C˛ A KHU V˙ C.

ˇ H.86C: ˇOˇN ˇh` NG Cď CON Lh ˇ N 4m, TR˚ NG CˇY XANH ˇ Ď TH˛.

ˇh` NG VEN SÔNG TIJN: TR˛ C PHÓT TRIˇN H˛ N H˚ P, KHOˇNG LÊI 0-6m.

ˇ´ I V˛ I GIAO THĎNG KHU V˙ C

- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG CAO, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 0m;
- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG THˇ P, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 3m;
- ˇh` NG XAˇY M˛ I KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 3m, T´ I ˇA 6m.

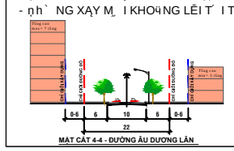

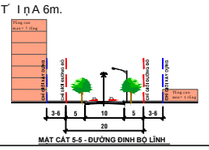

ˇ´ I V˛ I GIAO THĎNG PHAN KHU V˙ C

- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG CAO, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 0m;
- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG THˇ P, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 3m;
- ˇh` NG XAˇY M˛ I KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 3m, T´ I ˇA 6m.

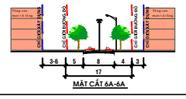

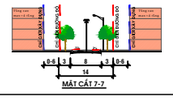

BˇNG THˇ´ NG Kˇ KHOˇNG LÊI GIAO THĎNG ˇ Ď TH˛ Vê KHU V˙ C

THỐNG KÊ MẶT CẮT ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ KHOẢNG LÙI XÂY DỰNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	KÝ HIỆU	KHOẢNG LÙI		
				trái	phải	GHI CHÚ
		m		m	m	
GIAO THÔNG ĐÔ THỊ						
1	QUỐC LỘ 50	46,0	1-1	3,0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng, cây xanh đô thị - CQĐD: 6m - Đối với đất hỗn hợp, đất công trình công cộng, TM-DV
		43,0	2-2	6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 6m - Đối với đất hỗn hợp.
2	ĐH.86C	46,0	1-1	3,0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 3m - Đối với ở thấp tầng - CQĐD: 6m - Đối với đất công cộng - hành chính
3	ĐH. 86B	30,0	3-3	0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng - CQĐD: 3m - Đối với đất hỗn hợp, đất công trình công cộng, TM-DV
4	ĐƯỜNG TRẦN NGUYÊN HÃN - ĐT.879B	22,0	4-4	0,6,0	0,6,0	- CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng - CQĐD: 6m - Đối với đất hỗn hợp
5	ĐƯỜNG VEN SÔNG TIỀN	28,0	4A-4A	0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng, cây xanh đô thị - CQĐD: 6m - Đối với đất hạ tầng kỹ thuật
6	ĐƯỜNG D20A	46,0	1-1	3,0-6,0	3,0-6,0	
GIAO THÔNG KHU VỰC						
1	ĐH.86D	20,0	5-5	3,0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng, cây xanh đô thị
2	ĐƯỜNG N2	22,0	4-4	3,0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng, đất nông nghiệp
		16,0	6-6	3,0-6,0	3,0-6,0	
3	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN GIÁC NỐI DÀI	22,0	4-4	3,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng - CQĐD: 6m - Đối với đất hỗn hợp, đất công trình công cộng, TM-DV, đất nông nghiệp
4	ĐƯỜNG ÂU DƯƠNG LÂN	22,0	4-4	3,0-6,0	3,0-6,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng, đất cây xanh đô thị - CQĐD: 6m - Đối với đất công trình công cộng
5	LỘ LÁNG - ĐH.87	17,0	6A-6A	6,0	3,0	- CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng - CQĐD: 6m - Đối với đất hỗn hợp
6	ĐƯỜNG TRẦN THỊ THƠM	20,0	5-5	6,0	6,0	
		20,0	5A-5A	3,0-6,0	3,0-6,0	
7	ĐH.87B	16,0	6-6	0,0	3,0	
8	ĐƯỜNG N9	16,0	6-6	3,0-6,0	0,0	- CQĐD: 0m - Đối với đất cây xanh cách ly - CQĐD: 3m - Đối với đất ở thấp tầng
9	ĐƯỜNG HỌC LẠC	22,0	4-4	3,0	3,0-6,0	
		16,0	6-6	3,0-6,0	KLXD	
10	ĐƯỜNG NGUYỄN TRUNG TRỰC	22,0	4-4	KLXD	3,0-6,0	
11	ĐƯỜNG NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	22,0	4-4	KLXD	3,0-6,0	
		16,0	6-6	3,0	3,0	
12	ĐƯỜNG ĐỐC BÌNH KIỀU	17,0	6A-6A	KLXD	3,0-6,0	
13	ĐƯỜNG NGUYỄN AN NINH	16,0	6-6	3,0	3,0	
14	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN NGUYỄN	34,0	3A-3A	3,0	3,0	
15	ĐƯỜNG THÁI SANH HẠNH	22,0	4-4	3,0-6,0	3,0-6,0	
16	ĐƯỜNG ĐINH BỘ LĨNH	20,0	5-5	3,0-6,0	3,0-6,0	
17	ĐƯỜNG N11	16,0	6-6	0-3,0	0-6,0	
18	ĐƯỜNG N15	22,0	4-4	3,0-6,0	3,0	
19	ĐƯỜNG D2	16,0	6-6	0-3,0	0-6,0	
20	ĐƯỜNG D3	22,0	4-4	0-6,0	0-6,0	
21	ĐƯỜNG D8	16,0	6-6	3,0-6,0	3,0-6,0	
22	ĐƯỜNG D10	16,0	6-6	0-6,0	0-3,0	
23	ĐƯỜNG D12	16,0	6-6	3,0	3,0	
24	LỘ VÀM - ĐH.86	20,0	5-5	3,0-6,0	KLXD	
GIAO THÔNG PHÂN KHU VỰC						
1	ĐƯỜNG N1	14,0	7-7	6,0	3,0	
2	ĐƯỜNG N3	14,0	7-7	3,0-6,0	0,0	
3	ĐƯỜNG N4	14,0	7-7	0,0	3,0-6,0	
5	ĐƯỜNG N6	14,0	7-7	3,0-6,0	3,0	
6	ĐƯỜNG N7	16,0	6-6	3,0-6,0	3,0-6,0	
7	ĐƯỜNG N8	14,0	7-7	3,0-6,0	3,0	
8	ĐƯỜNG N10	16,0	6-6	3,0	0-6,0	
9	ĐƯỜNG N12	16,0	6-6	3,0-6,0	3,0	
10	ĐƯỜNG N13	14,0	7-7	3,0	0,0	
11	ĐƯỜNG N14	14,0	7-7	3,0	3,0	
12	ĐƯỜNG N16	14,0	7-7	3,0	3,0	
13	ĐƯỜNG D1	14,0	7-7	3,0	3,0	
15	ĐƯỜNG D6	16,0	6-6	3,0	3,0	
16	ĐƯỜNG D7	14,0	7-7	3,0	6,0	
17	ĐƯỜNG D9	17,0	6A-6A	3,0-6,0	3,0-6,0	
18	ĐƯỜNG D11	14,0	7-7	3,0-6,0	3,0-6,0	
19	ĐƯỜNG D13	14,0	7-7	3,0-6,0	6,0	
20	ĐƯỜNG D14	14,0	7-7	0-6,0	0-3,0	
21	ĐƯỜNG D15	14,0	7-7	0-6,0	0-6,0	
22	ĐƯỜNG D16	14,0	7-7	3,0-6,0	3,0-6,0	
23	ĐƯỜNG D17	14,0	7-7	3,0-6,0	3,0-6,0	
24	ĐƯỜNG D18	14,0	7-7	3,0	3,0-6,0	
25	ĐƯỜNG D19	14,0	7-7	3,0	3,0	
26	ĐƯỜNG D20	14,0	7-7	0,0	3,0	
27	ĐƯỜNG TRẦN THỊ SANH	14,0	7-7	3,0	3,0-6,0	

ˇh` NG GIAO THĎNG PHAN KHU V˙ C

ˇh` NG GIAO THĎNG KHU V˙ C

Khoˇng lùi tối thiểu 6m cho các chức năng công trình thương mại dịch vụ cao từ 10 - 15 tầng. Tối đa khoảng lùi bằng ½ chiˇu cao công trình xây dựng.

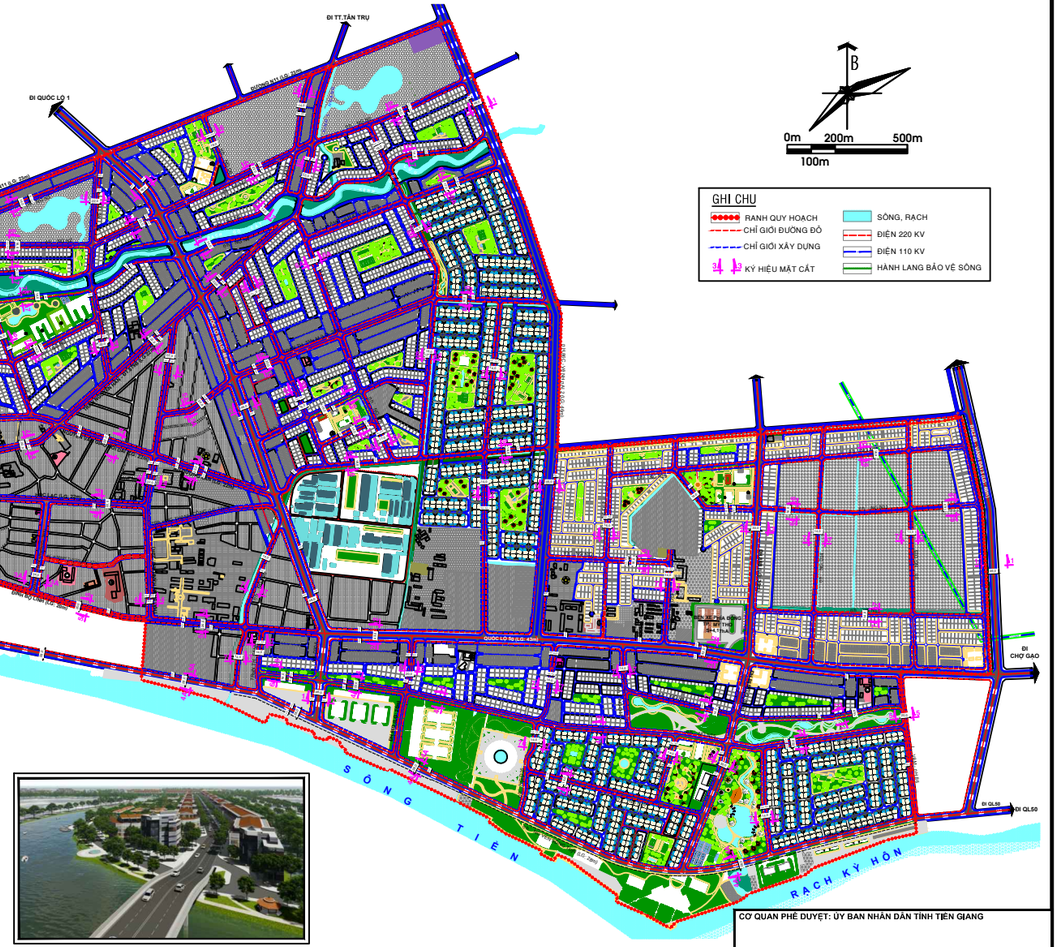

GIAO THĎNG GIAO NHAU V˙ I KˇNH, RˇY CH

- ˇh` NG Cď KHOˇNG LÊI <6m, THÔCÓC CĎNG TRÔIH CĎNG C˛ NG Cď KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU;
- KHOˇNG LÊI XAˇY D˙ NG : 3,0m - ˇ´ I V˛ I ˇ˛ T˛ (< 5 TˇiNG), ˇ˛ T H˛ N H˚ P (< 5 TˇiNG), ˇ˛ T CˇY XANH ˇ Ď TH˛, CˇY XANH ˇ ˇ N V˛, ˇ˛ T TÔN GIÓO;
- KHOˇNG LÊI XAˇY D˙ NG : 6,0m - ˇ´ I V˛ I ˇ˛ T˛ (> 5 TˇiNG), ˇ˛ T H˛ N H˚ P (> 5 TˇiNG), ˇ˛ T HÊNH CHÔNH, ˇ˛ T CĎNG TRÔIH CĎNG C˛ NG, THh ˇ NG Mˇ I D˛ CH V˛, ˇ˛ T HÝ TˇiNG K˙ THUˇT;
- KHOˇNG LÊI XAˇY D˙ NG : 0m - ˇ´ I V˛ I ˇ˛ T CˇY XANH CÓCH LY, ˇ˛ T MˇT Nh˛ C, ˇ˛ T NÔNG NGHI˚ P CĎNG NGH˚ CAO.
- ˇh` NG HI˚ N TRˇNG Cď MˇT ˇ˛ XAˇY D˙ NG CAO, KHOˇNG LÊI T´ I THIˇU 0m;

Lùi tối thiểu 15m cho các chức năng công trình điểm nhấn, có chiều cao tối đa hơn quy định 10m (3 tầng). Tối đa khoảng lùi bằng ½ chiều cao công trình.

Lùi tối thiểu 2m làm mảng xanh, vòng xoay cho các công trình điểm nhất tại nút giao thông đô thị.

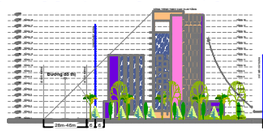

Khoˇng l¼ x©y d˙ ng : 6,0m - ˇ´ i v˛ i LˇI˚ > 1 tˇng

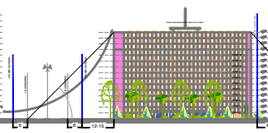

Khoˇng l¼ x©y d˙ ng : 3,0m LˇI c©y xanh L¹ th˚, c©y xanh Lhn v˙, LˇI t¹ n gi§o

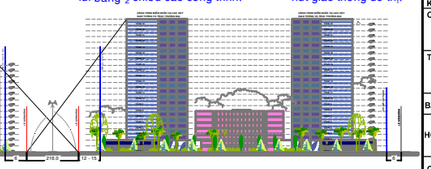

Khoˇng l¼ x©y d˙ ng : 6,0m - ˇ´ i v˛ i LˇI gi§o d˛ c cˇp Lhn v˙ v˙ trˇ ng cˇp 3

Khoảng lùi xây dựng : 3,0m - Đối với đất ở < 5 tầng

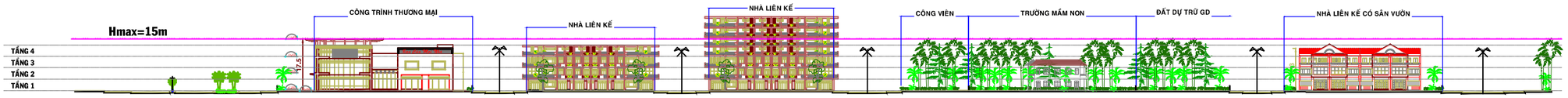

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ...../QĐ-UBND NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG TỈNH TIỀN GIANG

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: ..... NGÀY..... THÁNG .... NĂM

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: ..... NGÀY .... THÁNG.... NĂM

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TP MỸ THO

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG.... NĂM

CÔNG TRÌNH: ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000
KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHÍA ĐÔNG THÀNH PHỐ MỸ THO

TÊN BẢN VẼ: THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - 01

BẢN VẼ: QH05-01	GHÉP:	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY:
HỌA VẼ THIẾT KẾ	KTS. HUỲNH LÊ HẢI MY		
	KTS. PHẠM ĐỨC LỘC		
CHỦ TRÌ	THS.KTS. ĐOÀN NGỌC HIỆP		
CHỦ NHIỆM	THS.KTS. ĐOÀN NGỌC HIỆP		
P.TRƯỞNG PHÒNG	THS.KTS. VÕ NGỌC HỒNG PHƯỚC		
QL. KỸ THUẬT	THS.KTS. VÕ NGỌC HỒNG PHƯỚC		

P. TỔNG GIÁM ĐỐC:

KS.VÕ THÀNH BIỀN

CTY CP Th˙ Vˇ N Kˇ N TRˇC V˙ XAˇY D˙ NG TP.HCM - ACCCo
XÍ NGHIỆP THIẾT KẾ QUY HOẠCH - XÂY DỰNG
ˇ˛ A CH : 98 TRˇN QUANG KHˇI- Q1 - TP.HCM TEL-FAX: 028.38484380

TÊN CÔNG TRÌNH:	QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000 KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHÍA ĐÔNG THÀNH PHỐ MỸ THO	QH05	01
TÊN BẢN VẼ:	THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - 01		